

Bản án số: 459/2022/DS-PT
Ngày 14 tháng 7 năm 2022
“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 963/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như N, sinh năm 2000 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 12, đường 180, Tổ 01, ấp 4B, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân Đoài – Trưởng Văn phòng luật sư Phú Nhân An thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1977 – Có mặt;

2.2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 39/5/5, Tổ 62, Khu phố 6 (số cũ C83), phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 432, Tổ 4, Khu phố Chánh Lộc 7, đường Huỳnh Văn Cù, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

3.2. Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 51/4 (số cũ 31/11), Tổ 4, Khu phố 2, đường DX 83, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

3.3. Ông Nguyễn Thành T¹, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 37/5/7, Tổ 62, Khu phố 6, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

3.4. Bà Nguyễn Thúy H¹, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 50/8, đường Bịt Sơn Lưu, xã Mỹ Nông, tỉnh Cao Hùng, Đài Loan (Trung Quốc);

3.5. Bà Lê Thị P, sinh năm 1975 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 12, đường 180, Tổ 01, ấp 4B, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Như N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2018 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Như N trình bày:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn L (chết năm 1986) và cụ Nguyễn Thị X (chết năm 2013) có 07 người con chung gồm: Nguyễn Thành V, Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thúy H, Nguyễn Thành T¹, Nguyễn Thúy H¹ và Nguyễn Thành C (chết năm 2000, vợ là Lê Thị P và con là Nguyễn Như N).

Cụ L không để lại tài sản; Cụ X để lại tài sản là thửa đất số 80, tờ bản đồ số 24, diện tích 345 m² (trên đất có căn nhà cấp 4) do cụ X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD189063, số vào sổ H08592 ngày 21/11/2005. Đây là tài sản riêng của cụ X theo Bản án dân sự phúc thẩm số 71/DS-PT ngày 24/12/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé.

Cụ X không có nghĩa vụ về tài sản đối với người khác. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ X để lại gồm 345 m² đất và nhà trên đất (không tranh chấp diện tích 07 m² nằm ngoài giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất) và đồng ý trích 1% giá trị tài sản tranh chấp để tính vào các chi phí tang lễ, mồ mả, bảo quản di sản.

Nguyên đơn không thừa nhận tài liệu do bị đơn xuất trình là văn bản của cụ X viết ngày 24/02/2003 có nội dung để nhà đất làm nơi thờ cúng, không chia thừa kế.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình.

Theo bản vẽ ngày 12/12/2019 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bình Dương thì nhà thờ 117,2 m² và nhà phía sau nhà thờ 26,1 m² là của cụ X xây dựng, hiện do ông T ở; Còn nhà nhỏ diện tích 74,6 m² bên hông nhà thờ là do ông V xây dựng để ông ở.

Cụ X cho đất nhưng ông T không nhận nên cụ X cho ông T 3,5 cây vàng. Ông T ký cam kết vào ngày 23/5/1996 và ngày 07/6/1996 đã nhận đủ vàng và không có ý kiến gì về nhà, đất nữa.

Ngày 24/02/2003, cụ X viết di chúc có nội dung: “Cho Nguyễn Thành V con trai út tôi thừa hưởng ngôi nhà ông bà thờ phượng và ở không được quyền bán, không thể chấp, lo cho mẹ tới già chết, tôi viết giấy này bằng chứng về sau không được quyền tranh chấp nhà, đất nữa, nay là ngày 24/02/2003 tôi còn minh mẫn, nay tôi viết di chúc này, tôi viết di chúc này thay cho tôi còn sống...”.

Cụ X chết năm 2013 để lại khoản nợ 60.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương và ông V đã trả thay cho cụ X theo biên lai thu tiền ngày 28/3/2014. Ông V không yêu cầu xem xét chi phí tang lễ, mồ mả, bảo quản di sản.

Ông V không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, mà yêu cầu để tài sản làm nơi thờ cúng, các con của cụ X ai muốn về ở cũng được, không phân chia cho người nào.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Thành T: Thông nhất ý kiến của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày: Thông nhất yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Như N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thúy H¹, ông Nguyễn Thành T¹ trình bày: Thông nhất yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thành V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy H¹: Tại Công văn số 2211/BTP-PLQT ngày 18/7/2019 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp là không tổng đạt được văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thúy H¹.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, các điều 147, 266 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 184, 633, 645 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 658, 673 Bộ luật dân sự năm 1995); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Như N về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

2. Công nhận nội dung do cụ Nguyễn Thị X (X¹) viết ngày 24/02/2003: *“Tôi Nguyễn Thị X nay tôi làm giấy này...cho Nguyễn Thành V con trai út tôi thừa hưởng ngôi nhà ông bà thờ phượng và ở không được quyền bán, không thể chấp...lo cho mẹ tôi già chết... viết giấy này bằng chứng...không được quyền tranh chấp...tôi còn mình mãi nay tôi viết di chúc này...thay cho lời tôi còn sống...”* là di chúc hợp pháp.

Công nhận nhà cấp 4 (nhà chính hay gọi nhà thờ diện tích 117,2 m² và nhà phụ phía sau nhà chính diện tích 26,1 m²) và quyền sử dụng đất (gắn liền) diện tích 345 m², thửa đất số 80, tờ bản đồ số 24; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H08592 cấp cho “bà Nguyễn Thị X” ngày 21/11/2005 là tài sản dùng vào việc thờ cúng của các thừa kế của cụ Nguyễn Thị X và do ông Nguyễn Thành V quản lý.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, chi phí ủy thác tư pháp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Như N có đơn kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/12/2021, chị Nguyễn Như N có yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của cụ Nguyễn Thị X. Ngày 20/12/2021 và 19/01/2022, chị Nguyễn Như N cung cấp Đơn cho đất có chữ ký, chữ viết họ tên cụ Nguyễn Thị X (X¹) chấp thuận đề ngày 20/5/2001 (Ký hiệu M1) để làm mẫu so sánh.

Tại Kết luận giám định số 2267/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị X trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị X trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M5, M7, M8, M9 là do cùng một người ký ra; Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị X trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M5 là do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Chị Nguyễn Như Ng giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P đồng ý kháng cáo của chị N, yêu cầu phải chia thừa kế cho chị N hưởng 01 suất thừa kế.

Luật sư đề nghị xem xét diện tích nhà chỉ có 117,2 m², như vậy phần diện tích còn lại là 227,8 m² (345 m² – 117,2 m²) không nằm trong cái gọi là Di chúc nên phải chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại các điều 650, 651, 652 Bộ luật dân sự. Bản án sơ thẩm nhận định ông Nguyễn Thành V chiếm hữu ngay tình là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị chia cho chị N 01 kỷ phần thừa kế bằng giá trị là 327.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thành V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thúy H và ông Nguyễn Thành T¹ không đồng ý yêu cầu của chị N và không đồng ý lời bảo vệ của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Như N đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Ngọc L vắng mặt không rõ lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành vắng mặt họ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện ủy thác tư pháp, đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ của bà Nguyễn Thúy H¹ nhưng vẫn không xác định được, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vắng mặt bà H¹ là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện và tất cả các đương sự đều thống nhất vợ chồng cụ Nguyễn Văn L (*chết năm 1986*) và cụ Nguyễn Thị X (*chết năm 2013*) có 07 người con chung gồm: Nguyễn Thành V, Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thúy H, Nguyễn Thành T¹, Nguyễn Thúy H¹ và Nguyễn Thành C (*chết năm 2000, vợ là Lê Thị P và con là Nguyễn Như N*). Theo quy định của pháp luật tại thời điểm mở thừa kế (*Điều 677 Bộ luật dân sự năm 2005*) thì chị Nguyễn Như N là thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thành C.

[4] Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 71/DS-PT ngày 24/12/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé và các bên đương sự đều thừa nhận căn nhà trên đất có diện tích 117,2 m², nhà nhỏ phía sau có diện tích 26,1 m² đều tọa lạc trên thửa đất số 80, diện tích 345 m², tờ bản đồ số 24, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương do cụ Nguyễn Thị X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08592 cấp ngày 21/11/2005 là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị X (tên khác: X¹).

[5] Cụ Nguyễn Thị X chết vào ngày 21/3/2013.

Bị đơn xuất trình trang 4 trên 01 (một) “Tờ cam kết” đề ngày 24/02/2003 có nội dung như sau: “*Tôi Nguyễn thị X nay tôi làm giấy này quý Hiền cho Nguyễn thành v con Trai út Tôi thừa hưởng ngôi nhà ông bà Thờ Phụng và ở Không được Huyện bán, Không thể chấp Tôi lo cho mẹ tôi tới già chết tôi viết miến giấy này bằng chứng về sao không đưa Được quyền tranh chấp nhà đất nữa nay là ngày 24 2 2003 tôi còn minh mẫn nai tôi viết tờ vì chúc này Tôi viết niến giấy này thay cho lời tôi còn sống*”

Tại Kết luận giám định số 308/GĐ-PC09 ngày 03/10/2019 kết luận: “Chữ viết họ tên “Nguyễn Thị X” và chữ viết có nội dung bắt đầu bằng “Tôi Nguyễn thị X nay tôi làm giấy này...” và kết thúc bằng “...Tôi viết niến giấy này thay cho lời tôi còn sống 24-2-2003” tại trang 4 trên 01 (một) “Tờ cam kết” đề ngày 24/02/2003 so với chữ viết họ tên và chữ viết của Nguyễn Thị X trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết ra”. Tại Kết luận giám định số 2267/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký đề tên Nguyễn Thị X trên tài liệu mẫu (M1) do chị Nguyễn Như N cung cấp và các mẫu so sánh do bị đơn cung cấp là do cùng một người viết ra, ký ra. Như

vậy, có cơ sở xác định tài liệu ghi ngày 24-2-2003 nêu trên là do cụ Nguyễn Thị X ký ra, viết ra.

[6] Nhà của cụ X tọa lạc trên một thửa đất duy nhất và “Tờ cam kết” đề ngày 24/02/2003 cụ X đã viết: “... *tôi viết miến giấy này bằng chứng về sao không đưa Được quyền tranh chấp nhà đất nữa...*”, chứng tỏ ý nguyện của cụ X là các con cháu không ai được quyền tranh chấp nhà và đất của cụ để lại. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị N và lời bảo vệ của luật sư yêu cầu chia thừa kế phần diện tích nằm ngoài diện tích căn nhà (345 m^2 trừ diện tích nhà $117,2 \text{ m}^2 = 227,8 \text{ m}^2$).

Tòa án cấp sơ thẩm công nhận toàn bộ di sản gồm nhà và đất của cụ Nguyễn Thị X là tài sản dùng vào việc thờ cúng do ông Nguyễn Thành V quản lý là đúng với ý nguyện của cụ X đã viết ngày 24/02/2003 và phù hợp quy định tại Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Như N và lời bảo vệ của luật sư, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên chị Nguyễn Như N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí giám định, chi phí ủy thác tư pháp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Như N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Như N về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

2.2. Công nhận nội dung do cụ Nguyễn Thị X (tên khác: X¹) viết ngày 24/02/2003: “*Tôi Nguyễn thị X nay tôi làm giấy này quý Hiền cho Nguyễn thành vân con Trai út Tôi thừa hưởng ngôi nhà ông bà Thờ Phụng và ở Không được*

Huyền bán, Không thể chấp Tôi lo cho mẹ tôi tới già chết tôi viết miễn giấy này bằng chứng về sao không đưa Được quyền tranh chấp nhà đất nữa nay là ngày 24 2 2003 tôi còn mình mãi nay tôi viết tờ vi chúc này Tôi viết miễn giấy này thay cho lời tôi còn sống” là di chúc hợp pháp.

2.3. Công nhận nhà cấp 4 (nhà chính hay gọi nhà thờ diện tích 117,2 m² và nhà phụ phía sau nhà chính diện tích 26,1 m²) và quyền sử dụng đất (gắn liền) diện tích 345 m², thửa đất số 80, tờ bản đồ số 24, phường Hiệp Thành, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H08592 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp cho “bà Nguyễn Thị X” ngày 21/11/2005, là tài sản dùng vào việc thờ cúng của các thừa kế của cụ Nguyễn Thị X và do ông Nguyễn Thành V quản lý.

(Vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới thửa đất và vị trí, kết cấu nhà được xác định theo Mảnh trích lục địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương lập ngày 12/12/2019 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2019).

3. Chị Nguyễn Như N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0044660 ngày 01/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí giám định tại cấp sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (20b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công